

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 23 /HĐND

TP. Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 5 năm 2018

V/v góp ý kiến xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy chế hướng dẫn tổ chức và hoạt động của HĐND

Kính gửi:

- Các Ban: Pháp chế; Kinh tế - Xã hội HĐND TP;
- Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường.

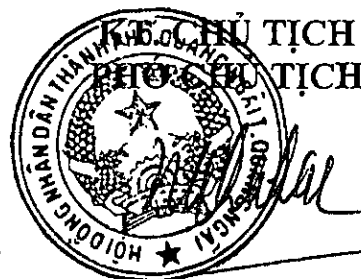
Thực hiện Công văn số 98/HĐND-VP ngày 02/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc góp ý kiến xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy chế hướng dẫn tổ chức và hoạt động của HĐND (có tài liệu pho to kèm theo); Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

Giao các Ban: Pháp chế; Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường tham gia góp ý kiến xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy chế hướng dẫn tổ chức và hoạt động của HĐND theo nội dung đề nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại văn bản trên; hoàn thành nhiệm vụ và gửi HĐND thành phố (qua Văn phòng HĐND&UBND thành phố tổng hợp) **chậm nhất trước ngày 15/6/2018.**

Đề nghị các đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT HĐND TP;
- C, PVP, CV (VH);
- Lưu VT, ndt.



Nguyễn Hà Hải

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 38 /HĐND - VP
V/v đóng góp ý kiến xây
dựng Nghị quyết của Ủy Ban
Thường vụ quốc hội về quy
chế hướng dẫn tổ chức và
hoạt động của HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Thường trực HĐND các huyện, thành phố

Theo yêu cầu của Ban công tác đại biểu thuộc Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc đóng góp ý kiến xây dựng Nghị quyết của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về quy chế hướng dẫn tổ chức và hoạt động của HĐND; Thường trực HĐND tỉnh gửi dự thảo quy chế đến Thường trực HĐND các huyện, thành phố góp ý đồng thời nhân bản gửi Thường trực HĐND các xã, phường nghiên cứu, xem xét đóng góp ý kiến dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị Thường trực HĐND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện, tổng hợp báo cáo (cả cấp xã và ý kiến góp ý của cấp huyện) gửi báo cáo cho Thường trực HĐND tỉnh **chậm nhất trước ngày 20/6/2018** để Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp báo cáo Ban công tác đại biểu theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng;
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

DỰ THẢO QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-UBTVQH14 ngày tháng năm
2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá XIV)

CHƯƠNG 1
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Kỳ họp bất thường khi có ít nhất một phần ba đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu

Khi có yêu cầu tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân bất thường thì các đại biểu Hội đồng nhân dân đề nghị bằng văn bản và gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Văn bản phải có đầy đủ chữ ký, họ tên và địa chỉ của đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân bất thường khi có ít nhất một phần ba đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

2. Kỳ họp cuối nhiệm kỳ

Được tiến hành chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khoá mới. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp báo cáo tổng kết nhiệm kỳ hoạt động của mình.

Điều 2. Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân triệu tập và chủ trì họp với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Đối với cấp tỉnh, cấp huyện thì mời thêm Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân khóa mới do Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước triệu tập và chủ trì.

2. Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp thường lệ được tiến hành chậm nhất là 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân khóa mới và kỳ họp bất thường được tiến hành chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Điều 3. Phiên họp trừ bị kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Việc tổ chức phiên họp trừ bị kỳ họp Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thành phần không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự phiên họp trừ bị kỳ họp Hội đồng nhân dân.

3. Nội dung phiên họp trừ bị kỳ họp Hội đồng nhân dân:

- Quán triệt việc tham gia kỳ họp Hội đồng nhân dân của các đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Thông qua Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

- Các nội dung khác để đảm bảo kỳ họp Hội đồng nhân dân đạt hiệu quả.

Điều 4. Cách thức quyết định các vấn đề tại kỳ họp Hội đồng nhân

dân

1. Hội đồng nhân dân quyết định biểu quyết bằng giơ tay hoặc biểu quyết bằng hệ thống biểu quyết điện tử đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, trừ các nội dung nêu tại điểm 2 khoản này theo trình tự:

- Chủ tọa phiên họp nêu nội dung cần biểu quyết trước khi biểu quyết.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền biểu quyết tán thành hoặc không tán thành hoặc không biểu quyết;

- Trong trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân biểu quyết thì Chủ tọa phiên họp tự mình hoặc theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

2. Hội đồng nhân dân quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín đối với các vấn đề quan trọng khi xét thấy cần thiết.

Điều 5: Cách thức thảo luận tại phiên họp toàn thể Hội đồng nhân dân

1. Chủ tọa phiên họp nêu nội dung thảo luận, tập trung vào các vấn đề có ý kiến khác nhau.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu ý kiến tại phiên họp toàn thể Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:

a. Đại biểu Hội đồng nhân dân đăng ký phát biểu; Chủ tọa phiên họp mời từng đại biểu phát biểu (theo thứ tự đăng ký hoặc theo nhóm vấn đề ưu tiên do Chủ tọa phiên họp quyết định);

b. Đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá hai lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu không quá 7 phút. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do Chủ tọa phiên họp quyết định;

c. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến của mình và gửi Tổ thư ký kỳ họp để tổng hợp.

3. Chủ tọa phiên họp yêu cầu cơ quan trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án báo cáo về việc tiếp thu chỉnh lý theo ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân. Chủ tọa hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân có thể đề nghị kết thúc phần thảo luận, khi vấn đề được nêu ra để biểu quyết thì việc thảo luận kết thúc.

Điều 6. Công tác thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân

Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc thành lập Tổ thư ký để phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại phiên họp đầu tiên hoặc phiên họp trù bị của mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Tổ thư ký kỳ họp bao gồm: Chánh Văn phòng giúp việc Hội đồng nhân dân là Tổ trưởng, một số công chức của Văn phòng giúp việc Hội đồng nhân dân là ủy viên.

Điều 7. Nhiệm vụ của Tổ thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu và phiên họp toàn thể;

4. Tham mưu cho Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp;

5. Giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 8. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân quyết định về nhân sự

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân về người được giới thiệu để bầu giữ chức danh, bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trình.

b) Hồ sơ về người được giới thiệu vào các chức để Hội đồng nhân dân bầu và các tài liệu khác theo quy định của Thường trực Hội đồng nhân dân, cụ thể như sau:

- Sơ yếu lý lịch theo quy định do cá nhân tự khai được cơ quan trực tiếp quản lý xác nhận có dán ảnh màu và đóng dấu giáp lai.

- Bản kê khai tài sản theo quy định của Thanh tra Chính phủ.

- Bản sao các văn bằng chứng chỉ có công chứng.

- Các tài liệu theo quy định về công tác cán bộ.

2. Hồ sơ về người ứng cử do đại biểu Hội đồng nhân dân giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Hồ sơ cũng phải đầy đủ như quy định tại điểm b khoản 1, nếu là Đảng viên, phải có văn bản đồng ý giới thiệu của cấp ủy có thẩm quyền quản lý cán bộ theo quy định của Đảng. Hồ sơ phải được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân chậm nhất là 01 ngày trước phiên họp bầu chức danh đó.

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm; cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trình.

b) Các tài liệu khác theo quy định của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 9. Trình tự Hội đồng nhân dân bầu các chức danh

1. Chủ thể có thẩm quyền giới thiệu trình bày tờ trình về việc giới thiệu nhân sự đó tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

2. Hội đồng nhân dân thảo luận.

Trường hợp nếu có đại biểu Hội đồng nhân dân tự ứng cử hoặc giới thiệu thêm người ứng cử ngoài danh sách đã được người có thẩm quyền giới thiệu thì Chủ tọa kỳ họp trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định số lượng, danh sách những người ứng cử vào chức danh đó bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc biểu quyết bằng hệ thống điện tử.

3. Chủ thể giới thiệu giải trình tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có)

4. Hội đồng nhân dân thành lập Ban kiểm phiếu.

5. Hội đồng nhân dân bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín.

6. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả.

7. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua Nghị quyết về việc bầu đối với chức danh được giới thiệu.

8. Đối với việc bầu ủy viên Ủy ban nhân dân:

Phương án 1: Sau khi được bầu là Ủy viên Ủy ban nhân dân, người trúng cử mới được công nhận là người đứng đầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an

Phương án 2: Trước khi được bầu là Ủy viên Ủy ban nhân dân, người được giới thiệu bầu phải là người đứng đầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an

Điều 10. Trình tự miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu.

1. Chủ thể có thẩm quyền giới thiệu trình bày tờ trình về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do Hội đồng nhân dân bầu.

2. Hội đồng nhân dân thảo luận

3. Chủ thể giới thiệu giải trình tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có)

4. Hội đồng nhân dân thành lập Ban kiểm phiếu.

5. Hội đồng nhân dân bỏ phiếu bằng hình thức bỏ phiếu kín.

6. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả.

7. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua Nghị quyết về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 11. Trình tự cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân thảo luận;

4. Thường trực Hội đồng nhân dân giải trình tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có).

5. Hội đồng nhân dân thành lập Ban Kiểm phiếu.

6. Hội đồng nhân dân bỏ phiếu bằng hình thức bỏ phiếu kín.

7. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu

8. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 12. Trình tự bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.
2. Hội đồng nhân dân thảo luận
3. Thường trực Hội đồng nhân dân giải trình tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có).
4. Hội đồng nhân dân thành lập Ban Kiểm phiếu.
5. Hội đồng nhân dân bỏ phiếu bằng hình thức bỏ phiếu kín.
6. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.
7. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 13. Quyết định tạm đình chỉ và việc trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố bị can theo trình tự sau:

a) Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp (đối với cấp xã do Viện kiểm sát nhân dân huyện) báo cáo về việc đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố bị can.

b) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân trình dự thảo Nghị quyết.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận.

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc đại biểu Hội đồng nhân dân trở lại thực hiện nhiệm vụ sau khi bị tạm đình chỉ theo trình tự sau:

a) Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp (đối với cấp xã do Viện kiểm sát nhân dân huyện) báo cáo về việc cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu hoặc có phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

b) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân trình dự thảo Nghị quyết.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận.

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 14. Việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời gian diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp (đối với cấp xã do Viện kiểm sát nhân dân huyện) trình bày Tờ trình về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

b) Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân trình dự thảo Nghị quyết.

c) Hội đồng nhân dân thảo luận.

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Hội đồng nhân dân biểu quyết.

đ) Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời gian không diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp (đối với cấp xã do Viện kiểm sát nhân dân huyện) trình bày Tờ trình về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

b) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân trình dự thảo Nghị quyết.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận.

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết.

Tại kỳ họp gần nhất, Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân về việc phê chuẩn đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp (đối với cấp xã do Viện kiểm sát nhân dân huyện) về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 15. Trình tự bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp giới thiệu nhân sự bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân mỗi khóa.

Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trình Hội đồng nhân dân việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân thảo luận.
3. Hội đồng nhân dân thành lập Ban Kiểm phiếu.
4. Hội đồng nhân dân bỏ phiếu bằng hình thức bỏ phiếu kín.
5. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.
6. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân

Điều 16. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm Trưởng Ban và các thành viên là đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu ra theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Tại kỳ họp thứ nhất mỗi khóa Hội đồng nhân dân, thành viên Ban kiểm phiếu do Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa trước đề nghị. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là người trong danh sách đề nghị Hội đồng nhân dân bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ, lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn, điều hành việc biểu quyết bằng bỏ phiếu kín; xác định kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết, lập biên bản và báo cáo Hội đồng nhân dân kết quả kiểm phiếu, biểu quyết; niêm phong phiếu biểu quyết; giải trình ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân về việc kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu xác định kết quả biểu quyết bằng bỏ phiếu kín theo nguyên tắc sau đây:

a) Trường hợp biểu quyết bầu các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, người được quá nửa số phiếu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân và được nhiều phiếu tán thành hơn thì trúng cử. Trường hợp cùng bầu một chức danh mà nhiều người được số phiếu tán thành ngang nhau và đạt quá nửa số phiếu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân biểu quyết lại việc bầu chức danh này trong số những người được số phiếu hợp lệ tán thành ngang nhau. Trong số những người được đưa ra biểu quyết lại, người được số phiếu tán thành nhiều hơn là người trúng cử; nếu biểu quyết lại mà nhiều người vẫn được số phiếu tán thành ngang nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phải được quá nửa số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành;

c) Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

d) Ban kiểm phiếu hết nhiệm vụ sau khi công bố kết quả kiểm phiếu hoặc kết quả biểu quyết. Trường hợp một kỳ họp tiến hành nhiều lần bỏ phiếu kín, Hội đồng nhân dân có thể quyết định việc Ban kiểm phiếu đã được thành lập trong lần bỏ phiếu trước tiếp tục làm việc trong các lần bỏ phiếu tiếp theo.

5. Sau khi Ban kiểm phiếu hết nhiệm vụ, nếu có khiếu nại, tố cáo của đại biểu Hội đồng nhân dân về việc kiểm phiếu, Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm xem xét, giải quyết và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân.

6. Thẻ lệ bỏ phiếu, mẫu phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản kết quả biểu quyết bằng bỏ phiếu kín, biên bản niêm phong phiếu biểu quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân quy định.

Điều 17. Phê chuẩn kết quả bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

1. Hồ sơ đề nghị phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân gồm:

- Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân kèm theo danh mục Hồ sơ được quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy chế này;
- Biên bản kiểm phiếu;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc bầu chức danh nói trên;
- Văn bản đồng ý về nhân sự của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền không phê chuẩn kết quả bầu chức danh trên thì các văn bản được Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký thay mặt Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân vẫn có giá trị pháp lý. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân không thực hiện nhiệm vụ kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản trả lời về việc không phê chuẩn kết quả bầu chức danh trên.

Điều 18. Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

1. Hồ sơ đề nghị phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân gồm:

- Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân kèm theo danh sách trích ngang người được đề nghị phê chuẩn;

- Biên bản kiểm phiếu;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh nói trên;

3. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền không phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trên thì các chức danh đó tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trường hợp Hội đồng nhân dân không bầu được các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân

1. Trường hợp tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân không bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa mới thì Chủ tọa kỳ họp có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện các thủ tục về nhân sự để trình Hội đồng nhân dân tiếp tục bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân ngay tại kỳ họp thứ nhất.

Trường hợp tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân không bầu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa mới có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện các thủ tục về nhân sự để trình Hội đồng nhân dân tiếp tục bầu chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân ngay tại kỳ họp thứ nhất.

Trong quá trình thực hiện việc bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân, theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp, Hội đồng nhân dân có thể quyết định tạm dừng kỳ họp thứ nhất để thực hiện công tác nhân sự. Thời gian tạm dừng kỳ họp thứ nhất không quá 05 ngày làm việc.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân không bầu đủ các chức danh còn lại của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thì người có thẩm quyền giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân bầu chức danh này có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện các thủ tục về nhân sự để trình Hội đồng nhân dân tiếp tục bầu chức danh đó ngay tại kỳ họp thứ nhất hoặc tại kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân.

Ở các kỳ họp tiếp theo, trong trường hợp không bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì giao cấp Phó phụ trách và tiếp tục chuẩn bị nhân sự thực hiện quy trình sau.

Điều 20. Giá trị pháp lý của các văn bản về kết quả bầu trong trường hợp không được cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn.

Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền không phê chuẩn kết quả bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì các văn bản được Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký thay mặt Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân vẫn có giá trị pháp lý. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân không thực hiện nhiệm vụ kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản trả lời về việc không phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

CHƯƠNG 2

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 21. Thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân trong việc giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp

Các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân để giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất để xem xét, quyết định.

Điều 22. Thành lập Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

1. Tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân mỗi khóa, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện khóa trước có trách nhiệm rà soát, đối chiếu tình hình, đặc điểm của địa phương với các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Nghị quyết số 1130/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Nghị quyết thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp Hội đồng nhân dân mỗi khóa.

2. Trong nhiệm kỳ, trong trường hợp thấy cần thiết và địa phương đủ điều kiện thành lập Ban Dân tộc theo quy định tại Nghị quyết 1130/2016/UBTVQH13 thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Nghị quyết thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất.

Điều 23. Quyết định phê chuẩn Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Trên cơ sở số lượng các Ban, chức năng, nhiệm vụ của mỗi Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân khóa mới xem xét, quyết định.

2. Trên cơ sở đăng ký của đại biểu Hội đồng nhân dân và số lượng thành viên của mỗi Ban, các ban Hội đồng nhân dân tổng hợp danh sách ủy viên của Ban mình trình Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành xem xét, quyết định.

Việc lập và phê chuẩn danh sách ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân căn cứ vào sự phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm, vị trí công tác của mỗi đại biểu, yêu cầu về số lượng, cơ cấu của từng Ban và nguyện vọng của từng đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 24. Chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Khi đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến địa phương khác trong cùng đơn vị hành chính cấp đại biểu được bầu, đại biểu đó có thể chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi mình đang sinh hoạt đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi mình công tác hoặc cư trú. Đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đơn chuyển sinh hoạt Tổ tới Thường trực Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc chuyển sinh hoạt Tổ của đại biểu và thông báo tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi đại biểu chuyển đi và nơi đại biểu chuyển đến sinh hoạt.

Điều 25. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân thì được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân.

Điều 26: Việc thông báo chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Trên cơ sở quyết định số lượng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, quyết định phân công Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi văn bản thông báo chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó đến các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hoạt động của Tổ.

Trong quá trình Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chủ động thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền của mình thì, Tổ trưởng hoặc Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân sẽ ký các văn bản phục vụ hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân. Chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó tổ đại biểu Hội đồng nhân dân là cơ sở xác nhận tính pháp lý của các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 27. Thẻ đại biểu Hội đồng nhân dân

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp cùng cấp phát hành thẻ đại biểu Hội đồng nhân dân theo mẫu do Bộ Nội vụ hướng dẫn. Thẻ đại biểu Hội đồng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp ký chứng thực và được cấp phát cho đại biểu Hội đồng nhân dân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

Điều 28. Việc chuyển công tác của đại biểu Hội đồng nhân dân ra khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức nhà nước chuyển công tác đi khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu thì trước khi ra quyết định chuyển, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tham khảo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân và thông báo tới Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cử tri nơi bầu ra đại biểu Hội đồng nhân dân đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

2. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển công tác ra khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu nhưng vẫn cư trú tại địa phương thì vẫn tiếp tục được làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tại đơn vị đó, trừ khi đại biểu Hội đồng nhân dân có đơn đề nghị xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 29. Nhóm đại biểu của Hội đồng nhân dân cấp xã

Trong quá trình tiếp xúc cử tri hoặc trong thời gian diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã, để thuận lợi cho quá trình hoạt động và trao đổi, thảo luận, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã có thể quyết định thành lập nhóm đại biểu Hội đồng nhân dân dựa trên cơ sở đơn vị bầu cử.

CHƯƠNG 3

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 30. Hồ sơ chương trình giám sát trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Hồ sơ về chương trình giám sát gồm:

- Báo cáo về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.

Báo cáo gồm những nội dung chính: đặc điểm tình hình năm công tác dự kiến, kết quả tổng hợp đề nghị, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, dự kiến nội dung chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân; căn cứ, lý do lựa chọn những hoạt động đưa vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân; Thường trực Hội đồng nhân dân, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến cơ quan chủ trì, phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát, biện pháp tổ chức thực hiện, các vấn đề liên quan khác.

- Báo cáo về kết quả thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân năm trước

- Tổng hợp đề nghị, kiến nghị của các cơ quan sắp xếp theo từng nội dung và từng cơ quan;

- Thuyết minh các nội dung dự kiến giám sát chuyên đề (nếu có);

- Tập hợp các nội dung giám sát chuyên đề Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân đã thực hiện trong 03 năm trước thời điểm đề xuất.

2. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân trình. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân do Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân trình.

Điều 31. Kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Sau 15 ngày Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có hiệu lực, Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trừ trường hợp giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Kế hoạch thực hiện phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, phân công các cơ quan thực hiện, tiến độ, công tác tổ chức, phối hợp thực hiện; trường hợp báo cáo của đối tượng chịu sự giám sát liên quan đến lĩnh vực phụ trách của nhiều cơ quan khác nhau thì kế hoạch phải nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

Điều 32. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tại kỳ họp giữa năm sau.

Các Ban của Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Ban Hội đồng nhân dân tại kỳ họp giữa năm sau.

2. Chậm nhất là ngày 30 tháng 01 hằng năm, các Ban của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì nội dung trong chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân gửi báo cáo về kết quả thực hiện đến Thường trực Hội đồng nhân dân để tập hợp báo cáo Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất là ngày 30 tháng 8 hằng năm, các Ban của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì nội dung trong chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân gửi báo cáo về kết quả thực hiện đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, gửi xin ý kiến các vị đại biểu Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân.

Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, gửi xin ý kiến các thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân.

Điều 33. Yêu cầu báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát phải đánh giá được kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, mức độ hoàn thành chương trình giám sát Hội đồng nhân dân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan, những bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị.

Báo cáo gồm các phụ lục:

- Tập hợp các hoạt động giám sát, các kiến nghị sau giám sát về các nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân

- Danh mục các báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát, các cơ quan giám sát, các nghị quyết sau giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân (nếu có).

Điều 34. Thời hạn và trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổng hợp thông tin để lựa chọn vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp gửi tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương mình đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân hoàn thành việc tổng hợp dư luận xã hội những vấn đề nổi bật trên địa bàn địa phương giữa hai kỳ họp và đề xuất nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

3. Chậm nhất là 01 ngày trước ngày khai mạc, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi xin ý kiến các đại biểu Hội đồng nhân dân về đề xuất nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Điều 35. Báo cáo tổng hợp chất vấn

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân tập hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân để Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp thông báo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân về việc tổ chức chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 36. Tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Nhóm vấn đề chất vấn được lựa chọn theo tiêu chí sau:

a. Là vấn đề bức xúc, nổi lên trong đời sống kinh tế - xã hội của địa phương, được nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri quan tâm, vấn đề có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vấn đề chất vấn đã được người bị chất vấn trả lời bằng văn bản nhưng đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời, được Thường trực Hội đồng nhân dân đồng ý trình Hội đồng nhân dân xem xét cho trả lời tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

b. Không chất vấn những vấn đề đã có trong nghị quyết về chất vấn và nghị quyết giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian 12 tháng trước thời điểm chất vấn.

c. Phù hợp với tổng thời gian tổ chức phiên họp chất vấn.

2. Vấn đề chất vấn thuộc trách nhiệm của cá nhân nào thì cá nhân đó trả lời chất vấn. Các cá nhân có liên quan trả lời làm rõ thêm những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phụ trách lĩnh vực trả lời các chất vấn có liên quan thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân.

3. Trường hợp có lý do đặc biệt, chính đáng không thể tham dự phiên họp thì người bị chất vấn gửi văn bản nêu rõ lý do đến Thường trực Hội đồng nhân dân để báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Điều 37. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

1. Căn cứ vào tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn quy định tại Điều bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp tập hợp từ 3 – 6 nhóm vấn đề chất vấn, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định để xin ý kiến các vị đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Căn cứ kết quả tổng hợp phiếu xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp giúp Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định lựa chọn 2 – 5 nhóm vấn đề chất vấn theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp và lựa chọn người bị chất vấn tương ứng với nhóm vấn đề.

3. Các thành viên của Ủy ban nhân dân, Chánh án tòa án nhân dân, Viện trưởng kiểm sát nhân dân cùng cấp tham dự phiên họp chất vấn để trả lời chất vấn có liên quan của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 38. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ vào tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn quy định tại Điều, chậm nhất 12 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp dự kiến từ 02 đến 04 nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định từ 01 đến 03 nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

2. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp giúp Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành kế hoạch tổ chức hoạt động chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn, kế hoạch này được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân và các cơ quan hữu quan. Kế hoạch chất vấn phải nêu rõ nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian, địa điểm tổ chức chất vấn và các nội dung khác có liên quan.

Điều 39. Chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Khi Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm, trên cơ sở đề nghị của bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định:

a. Việc tổ chức chất vấn tại kỳ họp thường lệ hoặc kỳ họp bất thường Hội đồng nhân dân.

b. Việc không tổ chức hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ nhất và kỳ họp cuối cùng của nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân.

2. Trên cơ sở đề nghị của bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thời gian chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thường kỳ hằng năm. **Đảm bảo số lượng thời gian phiên họp chất vấn không dưới 1/3 tổng số thời gian của kỳ họp Hội đồng nhân dân.**

3. Căn cứ chương trình kỳ họp, nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn đã được Hội đồng nhân dân quyết định lựa chọn, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp thông báo đến người bị chất vấn ngay sau khi có quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

4. Tại phiên họp chất vấn, trước khi đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn, đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Hội đồng nhân dân tại kỳ họp trước, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp trình bày báo cáo tổng hợp việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại các kỳ họp trước, tình hình trả lời chất vấn đối với những chất vấn được Hội đồng nhân dân cùng cấp cho trả lời bằng văn bản; tổng hợp tình hình chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Điều 40. Chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định số lượng và thời gian tổ chức phiên họp chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân. **Đảm bảo ít nhất là 2 lần/1 năm.**

2. Thời gian tổ chức chất vấn tại mỗi phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ít nhất là 01 ngày, cấp huyện, cấp xã ít nhất là 0,5 ngày. Kết thúc phiên chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định về việc ra nghị quyết hoặc không ra nghị quyết về chất vấn.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tham dự phiên họp chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc mời các đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm cùng cấp tham dự phiên họp chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp dự kiến chương trình phiên họp chất vấn trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; chương trình phiên họp chất vấn được thông báo đến đại biểu Hội đồng nhân dân và người bị chất vấn chậm nhất là 03 ngày trước ngày chất vấn.

Điều 41. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định số lượng và thời gian tổ chức phiên họp giải trình Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Thời gian tổ chức giải trình tại mỗi phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ít nhất là 01 ngày, cấp huyện, cấp xã ít nhất là 0,5 ngày

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tham dự phiên họp giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc mời các đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm cùng cấp tham dự phiên họp giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp dự kiến chương trình phiên họp giải trình để Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; chương trình phiên họp giải trình được thông báo đến đại biểu Hội đồng nhân dân và cơ quan, người bị giải trình chậm nhất là 03 ngày trước ngày giải trình.

Điều 42. Trả lời chất vấn bằng văn bản

1. Ngay sau khi Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 60 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày bế mạc phiên họp chất vấn, Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên của Thường trực Hội đồng nhân

dân được Thường trực Hội đồng nhân dân cho trả lời bằng văn bản theo quy định tại điểm b, điểm c, khoản 4 Điều 60 và điểm b, điểm c khoản 3 Điều 69 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp theo dõi, đôn đốc, tập hợp việc trả lời chất vấn bằng văn bản của người bị chất vấn và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đề nghị, kiến nghị về những vấn đề trả lời chất vấn bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân các cấp báo cáo tổng hợp đề nghị, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với việc trả lời chất vấn bằng văn bản. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, báo cáo, quyết định các nội dung sau:

a. Những vấn đề yêu cầu người bị chất vấn làm rõ hơn theo yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân

b. Những vấn đề đưa ra chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân gần nhất.

c. Những vấn đề đưa ra chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất

d. Những vấn đề kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Điều 43. Báo cáo việc thực hiện nghị quyết về chất vấn và các vấn đề đã hứa tại các kỳ họp.

1. Chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tổng hợp những nội dung đã hứa tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và gửi đến người đã trả lời chất vấn, đã hứa tại kỳ họp.

2. Người đã trả lời chất vấn, đã hứa có trách nhiệm gửi báo cáo theo quy định tại khoản 7 Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân theo đề cương do Thường trực Hội đồng nhân dân phát hành.

3. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp tổng hợp báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn, các vấn đề đã hứa và gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là 3 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Điều 44. Tiêu chí lựa chọn giám sát chuyên đề

1. Chuyên đề giám sát được lựa chọn căn cứ vào các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Là những vấn đề bức xúc, nổi lên ở địa phương hoặc ảnh hưởng đến đời sống an sinh, xã hội, an ninh, quốc phòng, kinh tế - xã hội, được đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri và nhân dân quan tâm; gắn với việc xây dựng, thi hành pháp luật.

b) Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân không trùng với các chuyên đề giám sát đã được Hội đồng nhân dân cấp mình tiến hành giám sát trong khoảng 02 năm tính đến thời điểm đề xuất.

Đối với giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân không trùng với giám sát của Hội đồng nhân dân; Đối với giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân không trùng với giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân đã được tiến hành giám sát trong khoảng 02 năm tính đến thời điểm đề xuất.

c) Không trùng với nội dung giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân cấp trên, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp trên tiến hành giám sát tại địa phương mình. Đối với giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không trùng với nội dung giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội tiến hành tại địa phương mình.

d) Đảm bảo cân đối, phù hợp giữa các lĩnh vực;

e) Phạm vi giám sát phù hợp với điều kiện thực hiện của các cơ quan của Hội đồng nhân dân.

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất kiến nghị, căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân lựa chọn đề xuất từ 3 đến 5 chuyên đề và sắp xếp theo chủ thể giám sát để trình Hội đồng nhân dân xem xét.

Điều 45. Chuẩn bị dự thảo Nghị quyết về thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp chuẩn bị dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, gửi xin ý kiến các Ban của Hội đồng nhân dân, hoàn thiện, trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân, Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp tiếp thu, hoàn thiện dự thảo, gửi xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân

3. Trên cơ sở ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân, Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp giúp Thường trực Hội đồng nhân dân hoàn thiện báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua.

4. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp chuẩn bị dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, gửi xin ý kiến các Ban của Hội đồng nhân dân, các thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký ban hành.

Điều 46. Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ vào Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề trình Hội đồng nhân dân thông qua tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Thành phần Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến trình Hội đồng nhân dân quyết định bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân làm Trưởng đoàn;

b) Đối với cấp tỉnh, cấp huyện có thêm từ 01 đến 02 Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân là Phó Trưởng đoàn hoặc Ủy viên;

c) Đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân có liên quan là Ủy viên;

d) 03 đến 05 đại biểu Hội đồng nhân dân am hiểu về nội dung chuyên đề giám sát là Ủy viên;

đ) Đoàn giám sát có thể mời đại diện Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận, các chuyên gia tham gia hoạt động của Đoàn nhưng không quá 05 người.

3. Danh sách cụ thể thành viên Đoàn giám sát có thể được điều chỉnh do yêu cầu giám sát hoặc do yêu cầu khách quan khác; Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Trưởng Đoàn giám sát.

Điều 47. Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất là ngày 5 ngày sau khi Chương trình giám sát hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân được thông qua, Thường trực Hội đồng

nhân dân ban hành Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 70 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Thành phần Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc 01 Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân (đối với cấp tỉnh và cấp huyện) làm Trưởng đoàn giám sát;
- b) 01 đến 02 Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân làm Phó Trưởng đoàn;
- c) Đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân có liên quan là Ủy viên;
- d) 03 đến 05 đại biểu Hội đồng nhân dân am hiểu về nội dung chuyên đề giám sát là Ủy viên;

đ) Đoàn giám sát có thể mời đại diện Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận, các chuyên gia tham gia hoạt động của Đoàn nhưng không quá 05 người.

3. Danh sách cụ thể thành viên Đoàn giám sát có thể được điều chỉnh do yêu cầu giám sát hoặc do yêu cầu khách quan khác; Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Trưởng Đoàn giám sát.

Điều 48. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ; đoàn giám sát tổ chức các đoàn công tác để thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Trưởng đoàn.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân phụ trách lĩnh vực có liên quan đến chuyên đề giám sát giúp Đoàn giám sát thực hiện các công việc về nội dung giám sát, xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân các cấp phục vụ Đoàn giám sát về chương trình, kế hoạch, công tác bảo đảm; tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động của Đoàn giám sát.

3. Cuộc họp, làm việc toàn thể của Đoàn giám sát do Trưởng Đoàn giám sát hoặc Phó Trưởng Đoàn giám sát chủ trì, bảo đảm ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Đoàn giám sát tham dự; trường hợp Đoàn giám sát yêu cầu cơ quan chịu sự giám sát báo cáo thì cơ quan này phải bố trí đúng thành phần tham dự và báo cáo theo quy định của pháp luật. Chủ trì cuộc họp, cuộc làm việc của

Đoàn giám sát có thể hoãn cuộc họp, cuộc làm việc nếu không bảo đảm yêu cầu quy định tại khoản này.

4. Thành viên Đoàn giám sát có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn giám sát; trường hợp không tham gia phải báo cáo Trưởng Đoàn giám sát. Các cơ quan có người tham gia làm thành viên hoặc được mời tham gia Đoàn giám sát phải tạo điều kiện để người đó tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm tổng hợp việc tham gia của các thành viên, người được mời tham gia Đoàn giám sát để báo cáo Trưởng Đoàn.

5. Việc tổ chức các hoạt động của Đoàn giám sát bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chức năng, nhiệm vụ, tránh phô trương, hình thức.

Điều 49. Phương thức hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân

1. Tổ chức hội nghị để triển khai hoạt động của Đoàn giám sát
2. Tổ chức cuộc họp của Đoàn giám sát, cuộc họp, cuộc làm việc với cơ quan chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
3. Mời chuyên gia tư vấn.
4. Tổ chức hội thảo, tọa đàm để đóng góp ý kiến, thu thập thông tin phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát và xây dựng dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề.

Trưởng Đoàn giám sát quyết định phương thức hoạt động của Đoàn giám sát để phù hợp với nội dung, phạm vi giám sát và chủ thể tiến hành giám sát.

Điều 50. Tổ chức buổi làm việc của Đoàn giám sát với cơ quan chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Đoàn giám sát tổ chức các buổi làm việc với Ủy ban nhân dân, các cơ quan của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại trụ sở của Hội đồng nhân dân; trong trường hợp cần thiết, Đoàn giám sát có thể đến làm việc tại trụ sở các cơ quan chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Đoàn giám sát thông báo chương trình, thành phần và nội dung làm việc đến cơ quan chịu sự giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc làm việc.

2. Cuộc làm việc của Đoàn giám sát được tiến hành theo trình tự sau đây:
 - a) Tổ giúp việc phối hợp với cơ quan chịu sự giám sát tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự;
 - b) Trưởng Đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn giám sát điều hành cuộc làm việc;

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát trực tiếp trình bày báo cáo những nội dung theo yêu cầu của Đoàn giám sát; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo thì có thể ủy quyền cho cấp phó sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Trưởng Đoàn giám sát;

d) Thành viên Đoàn giám sát đặt câu hỏi hoặc nêu vấn đề thảo luận;

đ) Cơ quan chịu sự giám sát giải trình theo yêu cầu của Đoàn giám sát;

e) Người được mời tham gia Đoàn giám sát, Đoàn công tác, người tham dự cuộc làm việc phát biểu theo yêu cầu của người điều hành cuộc làm việc;

g) Lãnh đạo Đoàn giám sát, Đoàn công tác phát biểu kết thúc cuộc làm việc về các nội dung: công tác chuẩn bị báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát; những nội dung đã thảo luận; những mặt đã làm được, những mặt còn hạn chế, những vấn đề cần khắc phục, những nội dung cần báo cáo bổ sung, làm rõ; những nội dung liên quan khác.

Điều 51. Trình tự hoạt động của Đoàn giám sát

Cuộc làm việc của Đoàn giám sát được tiến hành theo trình tự sau đây:

1. Tổ giúp việc phối hợp với cơ quan chịu sự giám sát tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự;

2. Trưởng Đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn giám sát điều hành cuộc làm việc;

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát trực tiếp trình bày báo cáo những nội dung theo yêu cầu của Đoàn giám sát; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo thì có thể ủy quyền cho cấp phó sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Trưởng Đoàn giám sát;

4. Thành viên Đoàn giám sát đặt câu hỏi hoặc nêu vấn đề thảo luận;

5. Cơ quan chịu sự giám sát giải trình theo yêu cầu của Đoàn giám sát;

6. Người được mời tham gia Đoàn giám sát, người tham dự cuộc làm việc phát biểu theo yêu cầu của người điều hành cuộc làm việc;

7. Lãnh đạo Đoàn giám sát phát biểu kết thúc cuộc làm việc về các nội dung: công tác chuẩn bị báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát; những nội dung đã thảo luận; những mặt đã làm được, những mặt còn hạn chế, những vấn đề cần khắc phục, những nội dung cần báo cáo bổ sung, làm rõ; những nội dung liên quan khác.

Điều 52. Đoàn giám sát tổ chức hội thảo, tọa đàm

1. Trường hợp cần thiết, Đoàn giám sát tổ chức hội nghị để triển khai hoạt động của Đoàn giám sát, tổ chức hội thảo, tọa đàm để thu thập thông tin,

hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát. Mỗi Đoàn giám sát tổ chức không quá 01 hội thảo hoặc tọa đàm.

2. Căn cứ vào kế hoạch giám sát chi tiết của Đoàn giám sát, chậm nhất là 15 ngày trước ngày tổ chức, hội thảo, tọa đàm, Tổ giúp việc giúp Đoàn giám sát xây dựng nội dung, chương trình, yêu cầu báo cáo, tham luận, yêu cầu về tổ chức phục vụ, gửi các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Trường hợp thay đổi so với kế hoạch giám sát chi tiết, Trưởng Đoàn giám sát thông báo yêu cầu tổ chức hội thảo, tọa đàm đến Tổ giúp việc trước thời điểm tổ chức ít nhất 15 ngày.

Điều 53. Phục vụ Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo giám sát chuyên đề

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) Báo cáo tóm tắt kết quả giám sát của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân;
- b) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân;
- c) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân;
- d) Các phụ lục kèm theo báo cáo kết quả giám sát (nếu có);
- đ) Báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát; tài liệu minh họa và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

2. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân các cấp giúp Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân trong việc tuyên truyền đối với phiên họp xem xét báo cáo kết quả giám sát khi xem xét, quyết định chương trình kỳ họp.

3. Trưởng đoàn chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, gửi xin ý kiến thành viên Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi trình Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua.

Điều 54. Hồ sơ Báo cáo giám sát của Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) Báo cáo tóm tắt của Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân;

b) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân;

d) Các phụ lục kèm theo dự thảo báo cáo kết quả giám sát (nếu có);

đ) Báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát; tài liệu minh họa và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

2. Sau phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng Đoàn giám sát tiếp thu ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân, hoàn thiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về giám sát chuyên đề trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký ban hành.

Điều 55. Thẩm quyền thành lập Đoàn giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và điều kiện thực tế tại đơn vị bầu cử. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện hoạt động giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc chủ động thực hiện quyền giám sát theo thẩm quyền của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân.

Trong trường hợp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có thẩm quyền thành lập Đoàn giám sát. Trường hợp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chủ động thực hiện quyền giám sát theo thẩm quyền của mình thì Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (hoặc ủy quyền cho Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân) có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 56. Nhiệm vụ của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trong hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- Quyết định kế hoạch giám sát hằng năm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và gửi tới các thành viên trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- Tổ chức hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- Phân công các thành viên trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- Chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Điều 57. Nhiệm vụ của các thành viên trong Đoàn giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Các thành viên trong Đoàn giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi làm việc của Đoàn giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- Nghiên cứu tài liệu do các cơ quan Đoàn giám sát gửi đến.

Điều 58. Việc gửi quyết định của Đoàn giám sát Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân đến cơ quan bị giám sát

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm gửi quyết định về việc thành lập Đoàn giám sát tới cơ quan bị giám sát và các cơ quan có liên quan chậm nhất trước 10 ngày kể từ khi hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân bắt đầu.

Điều 59. Việc cung cấp tài liệu của cơ quan bị giám sát tới Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Cơ quan bị giám sát có trách nhiệm gửi tài liệu tới các thành viên của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tham gia Đoàn giám sát chậm nhất trước 05 ngày kể từ khi hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân bắt đầu.

Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát, cơ quan bị giám sát có trách nhiệm cung cấp tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của Tổ trưởng Đoàn giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Điều 60. Báo cáo kết quả giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Báo cáo kết quả giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát.
